

Số: 39/NQ-HĐND

Thuận Châu, ngày 10 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về dự kiến danh mục dự án khởi công mới năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU
KHOÁ XX - KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công,

Xét Tờ trình số 588/TTr-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Thuận Châu; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-KTXH ngày 09/11/2020 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; tổng hợp ý kiến thảo luận của các vị Đại biểu HĐND huyện khoá XX.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt dự kiến danh mục dự án khởi công mới năm 2021 gồm 59 dự án, bao gồm:

- Nguồn xây dựng cơ bản tập trung, thu tiền sử dụng đất: 06 dự án (trong đó có 2 dự án giãn tiến độ thực hiện từ năm 2020).

- Nguồn các chương trình MTQG, NST ủy quyền hỗ trợ xây dựng NTM: 53 dự án.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết:

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án nêu trên theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo đáp ứng tiến độ theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Lựa chọn danh mục dự án, đề xuất phương án bố trí kế hoạch vốn và tham mưu xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên cơ sở mức vốn giao theo thông báo của UBND tỉnh.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nghị quyết đã được HĐND huyện Thuận Châu khoá XX - Kỳ họp chuyên đề lần thứ tư thông qua ngày 10/11/2020. *Được*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Văn phòng HĐND; UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện khoá XX;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trong huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, Kiên 180b. *7/*

CHỦ TỊCH**Thào A Súa**

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND huyện Thuận Châu)

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Số dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	8	9
	TỔNG SỐ				59	239.503,1	
I	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất				1	13.392,0	
1	Đường giao thông nội bộ trong khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	701 m	1	13.392,0	Dự án giãn tiến độ từ năm 2020, ưu tiên đầu tư để đảm bảo hoàn thiện hạ tầng giao thông đáp ứng các tổ chức, cá nhân trong khu vực dự án theo quy hoạch được duyệt
II	Nguồn XDCBTT				5	40.030,0	
1	Trường Mầm non Sơn Ca, thị trấn Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn		1	9.000,0	Ưu tiên đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất cho trường Mầm non Sơn Ca đi vào hoạt động tại địa điểm mới
2	Cầu qua suối đường Lê Hữu Trác	BQLDA ĐTXD	Thị trấn		1	7.000,0	Dự án Chính trang đô thị huyện Thuận Châu do UBND tỉnh quyết định đầu tư dự kiến bao gồm các hạng mục nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Lương Bằng, Lò Văn Hặc, Lê Hữu Trác, cải tạo nạo vét hồ Nong Luông... nên dự kiến triển khai dự án cầu qua suối đường Lê Hữu Trác và đường 23/8 để đảm bảo tính đồng bộ và kết nối giữa các tuyến đường
3	Nâng cấp, sửa chữa đường phố 23/8	BQLDA ĐTXD	Thị trấn		1	4.600,0	
4	Đường giao thông nội bộ trong khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	701 m		13.392,0	Dự án giãn tiến độ từ năm 2020, ưu tiên đầu tư để đảm bảo hoàn thiện hạ tầng giao thông đáp ứng các tổ chức, cá nhân trong khu vực dự án theo quy hoạch được duyệt
5	Khu tái định cư các dự án đầu tư trên địa bàn thị trấn Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	3.163m2	1	3.038,0	Dự án giãn tiến độ từ năm 2020, ưu tiên đầu tư để bố trí tái định cư cho các dự án đầu tư trên địa bàn
6	Trụ sở làm việc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn		1	3.000,0	
III	Các chương trình MTQG, NST ủy quyền hỗ trợ xây dựng NTM				53	186.081,1	
1	Sửa chữa Nước sinh hoạt Bán Buồng, xã Bán Lầu		Bán Lầu	75 hộ	1	3.300,0	
2	Nhà văn hóa bán Púa, xã Bán Lầu		Bán Lầu	226 hộ	1	1.600,0	
3	Nhà văn hóa bán Sáng Sang, xã Muối Nội		Muối Nội	Quy mô 164 hộ	1	1.200,0	
4	Nhà lớp học trường TH-THCS Muối Nội, xã Muối Nội		Muối Nội	2 tầng 12 phòng, hạng mục phụ trợ	1	8.526,0	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Số dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	8	9
5	Đường vào bản Lọng Cu, xã Bó Mươi		Bó Mươi	4,3km	1	10.989,6	
6	Nước sinh hoạt Bản Mươi, xã Bó Mươi		Bó Mươi	256 hộ	1	4.200,0	
7	Nhà văn hóa xã Mường Khiêng		Mường Khiêng		1	2.000,0	
8	Chợ trung tâm xã Mường Khiêng		Mường Khiêng	1000 m2	1	2.000,0	
9	Nhà lớp học trường TH Liệp Tè		Liệp Tè	4 phòng	1	1.889,9	
10	Nhà bán trú trường THCS Liệp Tè		Liệp Tè	2T 10 phòng	1	4.500,7	
11	Nhà lớp học trường MN Ánh Dương Nong Lay		Nong Lay	6 phòng	1	4.393,5	
12	Nhà văn hóa bản Cửa Hàng, xã Nong Lay		Nong Lay	100 chỗ	1	1.095,5	
13	Nhà lớp học trường MN Ngọc Lan Chiềng Ngâm		Chiềng Ngâm	Điểm trường trung tâm: Xây mới nhà c4 2P; Tường rào; Kè đá.	1	900,0	
14	Nhà lớp học trường THCS Chiềng Ngâm		Chiềng Ngâm	Xây mới NLH, phòng học chức năng 2T6P	1	3.900,0	
15	Nhà lớp học trường TH-THCS Chiềng La		Chiềng La	NLH, phòng học chức năng 2T6P điểm trường THCS, NLH 2P điểm trường TH	1	4.460,0	
16	Nhà lớp học trường MN Hoa Hồng Chiềng Ly		Chiềng Ly	2 tầng 8 phòng	1	7.489,3	
17	Nhà lớp học trường TH Chiềng Ly		Chiềng Ly	2 tầng 6 phòng	1	4.115,1	
18	Nhà lớp học trường TH-THCS Púng Tra		Púng Tra	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	1	4.100,0	
19	Nhà văn hóa xã Púng Tra		Púng Tra	600m2, 1 tầng 6 gian	1	2.000,0	
20	Nhà lớp học trường THCS Nậm Lầu		Nậm Lầu	2T8P	1	4.038,0	
21	Nhà văn hóa xã Nậm Lầu		Nậm Lầu	700m2	1	2.000,0	
22	Nhà lớp học trường MN Kim Đồng Chiềng Bôm		Chiềng Bôm	Nhà lớp học 2T4P	1	3.000,0	Nhu cầu đầu tư 4 phòng để đạt trường chuẩn quốc gia. Diện tích đất hạn chế nên chỉ đầu tư được 2T4P

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Số dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	8	9
23	Nâng cấp Nước sinh hoạt bản Mỏ, Ten Ké, Ten Muông, xã Chiềng Bôm		Chiềng Bôm	60 hộ	1	1.700,0	
24	Nhà văn hóa xã Phổng Lập		Phổng Lập	1tầng 6 gian	1	3.000,0	
25	Chợ trung tâm xã Phổng Lập		Phổng Lập	quy mô 200m2	1	3.000,0	
26	Nhà lớp học trường MN Hoa Mai Mường É		Mường É	Nhà lớp học 5P (điểm trường bản Phạ)	1	2.647,0	
27	Nhà lớp học trường TH Mường É		Mường É	Nhà lớp học 2T6P	1	3.632,0	
28	Nâng cấp nước sinh hoạt cụm Pha Lao, bản Nậm Giắt, xã Phổng Lái		Phổng Lái	40 hộ	1	1.100,0	
29	Đường liên bản Lóm Púa, Kiến Xương, Mường Chiên, Mường Chiên, xã Phổng Lái		Phổng Lái	0,9km	1	3.000,0	
30	Nhà lớp học trường TH Co Mạ 1		Co Mạ	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, các hạng mục phụ trợ kê sau nhà 42m, kê trước nhà 15m , sân 200m2	1	5.998,0	
31	Đường vào bản Co Nghè B, xã Co Mạ		Co Mạ	2 km	1	4.210,0	Nối tiếp tuyến Đường vào bản Phiêng Mạt, xã Long Hẹ
32	Đường vào bản Phiêng Mạt, xã Long Hẹ		Long Hẹ	2 km	1	4.210,6	
33	Đường giao thông từ trung tâm xã đến bản Nà Hem, xã É Tòng		É Tòng	5 km	1	8.800,0	
34	Cầu Pá Chóng, xã Mường Bám		Mường Bám		1	5.000,0	
35	Nhà lớp học trường THCS Mường Bám		Mường Bám	2T10P	1	5.913,0	
36	Đường vào bản Thẩm Sét, xã Co Tòng		Co Tòng	5km	1	9.405,0	
37	Nhà lớp học trường MN Pá Lông		Pá Lông	2T8P	1	6.000,0	
38	Nước sinh hoạt bản Bon, xã Bon Phặng		Bon Phặng	250 hộ	1	1.600,0	
39	Nước sinh hoạt bản Phặng, xã Bon Phặng		Bon Phặng	296 hộ	1	3.500,0	
40	Nhà văn hóa bản Lĩnh Luông, xã Chiềng Pắc		Chiềng Pắc	1 tầng 5 gian	1	1.500,0	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Số dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	8	9
41	Nước sinh hoạt bản Dân Chủ, xã Chiềng Pắc		Chiềng Pắc	tuyến chính 1500m , nhánh 1445 m 470 trụ vôi	1	2.800,0	
42	Nước sinh hoạt bản Chợ Muống, xã Chiềng Pha		Chiềng Pha	183hộ, đập đầu mối, tuyến ống dài L=2000m	1	2.000,0	
43	Đường bản Hán, xã Chiềng Pha		Chiềng Pha	1,8Km	1	2.500,0	
44	Đường bản Ngà Phát, xã Chiềng Pha		Chiềng Pha	1,5Km	1	2.000,0	
45	Thủy lợi bản Cù B, xã Tông Lạnh		Tông Lạnh	8,5 ha	1	850,0	
46	Thủy lợi bản Cuông Mường, xã Tông Lạnh		Tông Lạnh	10 ha	1	800,0	
47	Thủy lợi Nà Tỷ - Nà Càng, xã Thôm Môn		Thôm Môn	5ha	1	1.200,0	
48	Nâng cấp thủy lợi Phai Lúa, xã Thôm Môn		Thôm Môn	5ha	1	1.200,0	
49	Nhà lớp học trường TH-THCS Phổng Lãng		Phổng Lãng	2T8P	1	4.941,0	
50	Nhà văn hóa Bản Thái Cống, xã Phổng Lãng		Phổng Lãng	200 m2	1	1.169,0	
51	Nhà văn hóa bản Lè, xã Tông Cọ		Tông Cọ	296 hộ	1	2.100,0	
52	Nhà văn hóa Bản Bon, xã Tông Cọ		Tông Cọ		1	800,0	
53	Trạm y tế xã Tông Cọ		Tông Cọ		1	7.808,0	Dự kiến triển khai nếu không được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh